

● 32. LUYỆN TẬP

A – MỤC TIÊU

Giúp HS :

- Củng cố việc học thuộc và sử dụng bảng nhân 7 để làm tính, giải bài toán.
- Nhận biết về tính chất giao hoán của phép nhân qua các ví dụ cụ thể.

B – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Bài 1 : a) Cho HS tự làm bài rồi chữa bài.

GV có thể hỏi để HS nêu các công thức trong bảng nhân đã học.

b) Cho HS tự làm bài. Khi chữa bài nên cho HS nêu nhận xét về đặc điểm của các phép nhân trong cùng một cột. Chẳng hạn, hai phép nhân 2×7 và

69

7×2 đều có các thừa số là 2 và 7 nhưng thứ tự của chúng thay đổi cho nhau, kết quả của hai phép nhân này bằng nhau (đều bằng 14) :

$$2 \times 7 = 14 ; \quad 7 \times 2 = 14$$

Như vậy : Trong phép nhân, khi thay đổi thứ tự các thừa số thì tích không thay đổi.

Bài 2 : – Cho HS lên bảng làm phần a), chẳng hạn :

$$\begin{aligned} 7 \times 5 + 15 &= 35 + 15 \\ &= 50 \end{aligned}$$

Chú ý : Thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải, chưa nêu : "nhân trước, cộng sau".

– Cho HS tự làm các câu còn lại của phần a) và b) rồi chữa bài.

Bài 3 : Cho HS tự làm rồi chữa bài.

Bài 4 : Cho HS tự làm bài phần a) và phần b) rồi nêu nhận xét và viết nhận xét. Chẳng hạn, có thể viết ở trên bảng, hoặc vào vở như sau :

Nhận xét : $7 \times 4 = 4 \times 7$

Bài 5 : a) Cho HS viết bài tập vào vở hoặc vở nháp, nêu đặc điểm của dãy số rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm. Chẳng hạn, kể từ số thứ hai, mỗi số đều bằng số đứng liền trước cộng với 7 ($21 = 14 + 7$; $28 = 21 + 7$; ...). Vậy số đứng liền sau số 28 là : $28 + 7 = 35$, viết 35 vào chỗ chấm liền sau 28 ; ...

b) Tương tự như phần a).

Chú ý : Chỉ khi nào mọi HS đều đã làm và chữa các bài 1, 2, 3 thì mới chuyển sang bài 4 và bài 5. Nếu không đủ thời gian làm bài 4 và bài 5 tại lớp thì cho HS làm các bài đó khi tự học rồi chữa khi học các tiết sau.